

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2024/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Điều 1. Bổ sung các khoản 46, 47, 48, 49 vào sau khoản 45 của Điều 3

“46. Trò chơi điện tử trên mạng là một sản phẩm nội dung thông tin số, có tính tương tác, được xây dựng trên nền tảng công nghệ số, bao gồm hệ thống quy tắc, kịch bản, cơ chế tương tác, cùng các yếu tố đồ họa, âm thanh và nội dung số tích hợp, cho phép người chơi tham gia, tương tác và trải nghiệm thông qua các thiết bị điện tử có kết nối Internet hoặc mạng viễn thông.

47. Trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hoá, lịch sử Việt Nam là trò chơi điện tử được xây dựng trên cơ sở khai thác các chất liệu, yếu tố liên quan đến văn hóa, lịch sử, con người, địa danh, phong tục tập quán, di sản văn hóa Việt Nam.

48. Trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử (game esport) là trò chơi điện tử được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử công nhận đủ điều kiện để thi đấu thể thao điện tử tại Việt Nam, có hệ thống luật chơi được chuẩn hóa theo hệ thống tổ chức giải đấu.

49. *Nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử là nền tảng cung cấp công cụ, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ để tổ chức, cá nhân tạo lập, phát hành, vận hành và khai thác thương mại (nếu có) trò chơi điện tử do mình tạo ra trên chính nền tảng đó.*”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Trường hợp các dữ liệu trên đã được kết nối, khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì chủ thể không cần cung cấp các thông tin tại điểm a, điểm b khoản này; chỉ cung cấp mã định danh điện tử của tổ chức; mã số doanh nghiệp; số định danh cá nhân; mã số thuế hộ kinh doanh. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không chính xác, không trùng khớp, chủ thể có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến đủ 23 tuổi được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới “.id.vn” bao gồm: miễn, giảm lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; miễn, giảm phí duy trì sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Hợp tác xã, doanh nghiệp và Hộ kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới “.biz.vn” bao gồm: miễn, giảm về lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; miễn, giảm phí duy trì sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Trường hợp các chủ thể đăng ký chuyển giao New gTLD với ICANN:

a) Trước khi thực hiện đăng ký chuyển giao New gTLD với ICANN, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD thông qua gửi Bản khai đăng ký chuyển giao Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) với ICANN theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc nơi cá nhân đăng ký thường trú, tạm trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do, đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) nhưng thời gian trả lời chủ thể không vượt quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm ICANN chính thức chuyển giao New gTLD, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có văn bản thông báo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có văn bản xác nhận việc hoàn thành báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD và Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam);

d) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ được cấp các tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cấp tên miền cấp dưới New gTLD đã đăng ký cho các chủ thể khác ngoài các đơn vị, cá nhân trực thuộc cần thực hiện báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này. Cá nhân không được cấp tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các chủ thể khác.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hướng dẫn, được cung cấp thông tin về việc đăng ký, sử dụng tên miền và chịu sự kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có thẩm quyền”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam, Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam và Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam phải báo cáo về việc cung cấp dịch vụ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Trước ngày 15 của tháng đầu tiên hàng quý, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền xuyên biên giới báo cáo danh sách, thông tin tên miền quốc tế do tổ chức, doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam về Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) trực tuyến tại địa chỉ thongbaotenmien.vn. Thông tin báo cáo: tên miền, ngày đăng ký, ngày hết hạn, tên chủ thể, địa chỉ của chủ thể, điện thoại liên hệ, thư điện tử.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 như sau:

“3. Tổ chức, doanh nghiệp khi có nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” nộp Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo Mẫu số 03a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp nộp **Đơn đề nghị theo Mẫu số 03a** trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do, đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để triển khai ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) nhưng thời gian trả lời tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo **Mẫu số 03c** tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài

nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.

6. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) xem xét, thỏa thuận và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” với tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và quy hoạch tài nguyên Internet.

7. Hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ký giữa Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) và Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam:

a) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế thực hiện Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam theo Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam gửi **Báo cáo theo Mẫu số 02a** trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối nêu rõ lý do, đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung

tâm Internet Việt Nam) nhưng thời gian trả lời tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Sau khi nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố tổ chức, doanh nghiệp trong danh sách quản lý Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam tại trang thông tin điện tử: thongbaotenmien.vn.

Trường hợp Nhà đăng ký có thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo Mẫu số 02c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam; đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.”

2. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nhà đăng ký khi chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam cần có văn bản thông báo tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) về tổ chức, doanh nghiệp tiếp quản quản lý các tên miền của Nhà đăng ký”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam là các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đã hoàn thành báo cáo hoạt động tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, khoản 4, khoản 5 như sau:

“3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã nhận chuyển giao New gTLD từ ICANN, có nhu cầu cấp tên miền cấp dưới New gTLD cho các chủ thể khác ngoài các đơn vị, cá nhân trực thuộc thì nộp Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam theo Mẫu số 05a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp nộp **Báo cáo theo Mẫu số 05a** trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trường hợp nộp trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét giải quyết hồ sơ trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để công bố danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (NewgTLD Registry) và phục vụ công tác quản lý. Trường hợp cần thiết, trong quá trình xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) nhưng thời gian trả lời tổ chức, doanh nghiệp không vượt quá 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Sau khi nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố tổ chức, doanh nghiệp trong danh sách quản lý Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry) tại trang thông tin điện tử: thongbaotenmien.vn.

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp có thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản theo Mẫu số 05b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry); đồng thời gửi Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) để bỏ tên tổ chức, doanh nghiệp khỏi danh sách công bố.”.

3. Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry) khi chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam cần có văn bản thông báo tới Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) về tổ chức, doanh nghiệp tiếp quản quản lý các tên miền của New gTLD Registry”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

1. Sửa đổi tên Điều 18 thành: “Điều 18. Ứng dụng công nghệ IPv6”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị khi đầu tư, mua sắm các thiết bị mới có kết nối Internet, sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin thuê ngoài phải bảo đảm có hỗ trợ mặc định công nghệ IPv6.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và các bộ, ngành liên quan xây dựng lộ trình bảo đảm tất cả thiết bị, phần mềm viễn thông và công nghệ thông tin kết nối Internet được sản xuất trong nước và nhập khẩu vào Việt Nam phải ứng dụng công nghệ IPv6 và lộ trình ngừng hoàn toàn việc sản xuất và nhập khẩu thiết bị, phần mềm không hỗ trợ công nghệ IPv6.”

3. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, nội dung, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội triển khai chuyển đổi và sử dụng IPv6, hướng tới sử dụng IPv6 only cho toàn mạng, dịch vụ theo lộ trình chung quốc gia.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

b) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

c) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng theo quy định của pháp luật;

d) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an triển khai hoạt động giám sát thông tin và ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật theo quy định tại Chương V Nghị định này;

e) Công bố kết quả xác minh về tin giả trên Trang thông tin điện tử tingia.gov.vn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Bộ Khoa học và Công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên Internet; bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định của hạ tầng Internet trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn chặn truy cập đối với thông tin vi phạm pháp luật trên mạng theo quy định của pháp luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ban Cơ yếu Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công trên môi trường mạng. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm pháp luật và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 25 tháng 11 về tình hình quản lý hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ thông tin trên mạng trên địa bàn gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và về tình hình quản lý hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hình thức, phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện bằng văn bản điện tử thông qua hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành hoặc hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Trường hợp chưa kết nối hệ thống thì thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ. Lưu trữ thông tin của người sử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam đã được xác thực theo quy định pháp luật hoặc số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử;

thực hiện xóa thông tin của người sử dụng sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định; trường hợp người sử dụng dịch vụ mạng xã hội là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì tài khoản được đăng ký bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật về dân sự; cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung và thời gian trẻ em được xem nội dung trên mạng xã hội phù hợp với độ tuổi của trẻ em;

Mạng xã hội phải có giải pháp kỹ thuật để xác định người sử dụng là trẻ em (dưới 16 tuổi) và phân phối nội dung phù hợp với độ tuổi; bảo đảm người sử dụng là trẻ em (dưới 16 tuổi) không được đăng tải, bình luận, chia sẻ hoặc bày tỏ cảm xúc trên mạng xã hội do mình cung cấp; thiết lập mức bảo vệ quyền bí mật đời sống riêng tư cao nhất đối với tài khoản người dùng là trẻ em; chủ động phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn việc trẻ em tiếp cận nội dung bạo lực, khiêu dâm, cờ bạc, ma túy, tự tử, thử thách nguy hiểm và các nội dung độc hại khác.

Có cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi xâm hại trẻ em; cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; bảo đảm người sử dụng dịch vụ có quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam được sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng bá, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Văn bản Thông báo gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới tổ chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao thực hiện quản lý nhà nước về thông tin điện tử (sau đây gọi là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử) hoặc gửi thư điện tử (email) đến địa chỉ `report_abei@bvhttdl.gov.vn` hoặc gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gửi qua thư điện tử (email) hoặc qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm tiếp nhận văn bản Thông báo của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24

1. Bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

d) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thiết lập từ 02 trang thông tin điện tử tổng hợp trở lên hoặc cung cấp từ 02 dịch vụ mạng xã hội trở lên thì mỗi trang thông tin điện tử tổng hợp, mỗi dịch vụ mạng xã hội phải có tên miền, tên ứng dụng và nội dung thông tin (đối với trang thông tin điện tử tổng hợp), mục đích và loại hình cung cấp dịch vụ (đối với mạng xã hội); bảo đảm không trùng lặp với các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội đã được cấp Giấy phép hoặc Giấy xác nhận của chính tổ chức, doanh nghiệp đó.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ được cung cấp dịch vụ mạng xã hội khi có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội (đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn) hoặc Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội (đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên thấp);

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử sẽ rà soát, thống kê và có văn bản thông báo nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định tại Điều 29, Điều 31 Nghị định này đối với các mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn;

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Nền tảng số đa dịch vụ là nền tảng cung cấp, tích hợp nhiều dịch vụ trên cùng một trang thông tin điện tử hoặc một ứng dụng.

Nền tảng số đa dịch vụ khi cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các dịch vụ chuyên ngành khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có Giấy phép/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận thông báo cung cấp các dịch vụ chuyên ngành khác và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan;

Trên nền tảng số đa dịch vụ phải phân định rõ loại hình dịch vụ thành các chuyên mục riêng biệt theo nguyên tắc không xen lẫn nội dung giữa các dịch vụ với nhau”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 6 như sau:

“g) Các cơ quan báo chí trong vòng 10 ngày sau khi thiết lập tài khoản, trang cộng đồng, kênh nội dung, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội trong và ngoài nước có trách nhiệm Thông báo thông tin với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, chịu trách nhiệm về các thông tin do cơ quan báo chí cung cấp đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Báo chí và các quy định của Nghị định này; tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

Văn bản thông báo gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử hoặc gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Trường hợp gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm tiếp nhận thông tin Thông báo của cơ quan báo chí.

Trường hợp cơ quan báo chí bổ sung, điều chỉnh thông tin đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thì thực hiện Thông báo bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều này.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và điểm d khoản 8 như sau:

“a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn và mạng xã hội có cung cấp tính năng livestream;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo đối với mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên thấp; cấp sửa đổi, bổ sung và cấp gia hạn đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động tại địa phương. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành, nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với hoạt động cung cấp thông tin điện tử tổng hợp;

b) Trường hợp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp qua tên miền thì tên miền đó đã đăng ký sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định 147/2024/NĐ-CP”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Trường hợp cung cấp dịch vụ mạng xã hội qua tên miền thì tên miền đó đã đăng ký sử dụng để cung cấp dịch vụ mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định này;”

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam và đã tham gia khóa tập huấn, đào tạo về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin điện tử trên mạng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức. Trường hợp chưa qua tập huấn, đào tạo, phải bảo đảm hoàn thành khóa học chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày Giấy phép được cấp”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Lưu trữ thông tin của người sử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam đã được xác thực theo quy định pháp luật hoặc số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử; thực hiện xóa thông tin của người sử dụng sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định; trường hợp người sử dụng dịch vụ mạng xã hội là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì tài khoản được đăng ký bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật về dân sự; cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung và thời gian trẻ em được xem nội dung trên mạng xã hội phù hợp với độ tuổi của trẻ em;

Mạng xã hội phải có giải pháp kỹ thuật để xác định người sử dụng là trẻ em (dưới 16 tuổi) và phân phối nội dung phù hợp với độ tuổi; bảo đảm người sử

dụng là trẻ em (dưới 16 tuổi) không được đăng tải, bình luận, chia sẻ hoặc bày tỏ cảm xúc trên mạng xã hội do mình cung cấp; thiết lập mức bảo vệ quyền bí mật đời sống riêng tư cao nhất đối với tài khoản người dùng là trẻ em; chủ động phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn việc trẻ em tiếp cận nội dung bạo lực, khiêu dâm, cờ bạc, ma túy, tự tử, thử thách nguy hiểm và các nội dung độc hại khác.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 31

“Điều 31. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử sẽ gửi văn bản thông báo đến mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn (qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử) về việc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vẫn được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội hiện có, nhưng phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia..

Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử

2. Quy trình, thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

a) Trước khi cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải gửi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao hợp lệ Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể) đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp gửi trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp xác nhận thông báo một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã thông báo) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp xác nhận sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

a) Trường hợp thay đổi tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội, tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

b) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi, bao gồm các trường hợp:

Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; địa chỉ trụ sở chính; địa điểm đặt máy chủ; nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).

Đối với mạng xã hội: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội. Thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) quy định trong Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

c) Văn bản đề nghị thực hiện theo Mẫu số 22 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 63 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính đối với giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính, đồng thời đến Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

b) Hình thức nộp hồ sơ bằng một trong các phương thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Giấy xác nhận đã cấp theo Mẫu số 18 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 64 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định

này.

Nội dung Giấy phép, Giấy xác nhận mới phải cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép, Giấy xác nhận lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép, Giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép, Giấy xác nhận được cấp ban đầu;

d) Trường hợp từ chối cấp giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

4. Gia hạn Giấy phép:

Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 25 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp) về cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 65 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính, đồng thời đến Cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hình thức gửi văn bản đề nghị gia hạn bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính thẩm định, cấp giấy xác nhận gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 18 (đối với Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp), Mẫu số 66 (đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của

pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản trả lời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới thực hiện việc nộp hồ sơ bổ sung thì hồ sơ đó được tính là hồ sơ nộp lần đầu và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này.

Điều 16. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 của Điều 34

“8. Tham gia khóa tập huấn, đào tạo về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin điện tử trên mạng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 35

1. Sửa đổi khoản 13 như sau:

“13. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em; có cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi xâm hại trẻ em”;

2. Bổ sung khoản 17 vào sau khoản 16

“17. Tham gia khóa tập huấn, đào tạo về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin điện tử trên mạng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 36

“4. Được cung cấp, chia sẻ đường dẫn (URL) dẫn trực tiếp về tác phẩm, nội dung gốc của các cơ quan báo chí hoặc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; việc sao chép, đăng tải lại toàn bộ hoặc một phần tác phẩm phải tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định của pháp luật có liên quan. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do mình lưu trữ, cung cấp, truyền đưa trên mạng xã hội, phát tán thông tin qua đường liên kết trực tiếp do mình thiết lập.”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 37

1. Sửa đổi khoản 2, 3 như sau:

“2. Doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng khi có Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

3. Doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng khi

có Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.”

2. Bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 vào sau khoản 4 của Điều 37

“5. Doanh nghiệp được cung cấp nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử khi có Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử.

6. Thẩm quyền cấp phép:

“a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp mới, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử, Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

7. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư nghiên cứu, phát triển, sản xuất và phát hành các trò chơi điện tử trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm số Việt Nam, đồng thời chủ động phát hành ra thị trường quốc tế để quảng bá hình ảnh, văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam ra thế giới.

8. Quy định về tài khoản chơi thử trong trò chơi:

a) Tài khoản chơi thử là tài khoản do người chơi chơi trò chơi tạo ra mà không phải đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực tài khoản qua số điện thoại di động tại Việt Nam.

b) Tài khoản chơi thử có thời hạn hoạt động tối đa 05 ngày kể từ khi người chơi tạo tài khoản trong trò chơi.

c) Tài khoản chơi thử không được phát sinh các giao dịch mua, bán vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi và thực hiện trao đổi, chia sẻ thông tin trong trò chơi;

d) Doanh nghiệp có trách nhiệm yêu cầu người chơi phải đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực số điện thoại di động tại Việt Nam theo quy định sau khi hết thời hạn của tài khoản chơi thử. Trường hợp người chơi không thực hiện đăng ký tài khoản và xác thực số điện thoại di động tại Việt Nam, doanh nghiệp thực hiện thông báo tới người chơi và xóa tài khoản cùng toàn bộ dữ liệu

của tài khoản đó theo quy định.

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố quy định về tài khoản chơi thử tới người chơi tại quy tắc về giải quyết khiếu nại, tranh chấp quyền lợi phát sinh giữa người chơi và doanh nghiệp, giữa người chơi với người chơi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 54 Nghị định này.”

Điều 20. Bổ sung Điều 37a vào sau Điều 37

“Điều 37a. Thúc đẩy sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng do Việt Nam sản xuất

1. Trò chơi điện tử trên mạng thuộc đối tượng khuyến khích phát triển theo quy định tại khoản 7 Điều 37 là trò chơi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Do doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam sản xuất và có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp với phần mềm trò chơi điện tử;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi có một trong các yếu tố thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam gồm: Cốt truyện; trang phục, tạo hình nhân vật; bối cảnh, địa danh, kiến trúc; phong tục, tập quán, lễ hội; nghệ thuật truyền thống; ẩm thực; biểu tượng quốc gia, biểu tượng văn hóa, lịch sử; các đặc trưng khác gắn với lịch sử, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam.

c) Tối thiểu 30% nhân sự tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất (lập trình, thiết kế, đồ họa, kiểm thử) phải là người lao động Việt Nam có hợp đồng lao động.

2. Các doanh nghiệp sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng đáp ứng điều kiện tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Được phát hành thử nghiệm trong thời gian 30 ngày cho một lần thử nghiệm và được gia hạn 02 lần, mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này với số lượng người chơi/tài khoản tham gia chạy thử nghiệm không vượt quá 10.000 người/tài khoản.

Trước 10 ngày phát hành thử nghiệm trò chơi, doanh nghiệp gửi Thông báo phát hành thử nghiệm trò chơi đến đến cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung thông báo gồm các thông tin: tên trò chơi; kênh phân phối trò chơi; thông tin về phân loại độ tuổi; nội dung, kịch bản trò chơi kèm hình ảnh minh họa.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử tiếp nhận văn bản Thông báo của Doanh nghiệp. Văn bản Thông báo gửi bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên

Công dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Công dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời gian phát hành thử nghiệm, doanh nghiệp được phép giới thiệu, quảng cáo trò chơi nhưng không được thương mại hóa dưới mọi hình thức và phải có thông báo đây là phiên bản thử nghiệm bên trong trò chơi, trên trang chủ giới thiệu, cung cấp trò chơi (nếu có) và trên các thông tin quảng cáo.

Trường hợp doanh nghiệp muốn phát hành chính thức trò chơi này, trước khi hết thời gian thử nghiệm, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G1 trên mạng, quy định tại Điều 52 Nghị định này đối với trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Sau khi hết thời gian thử nghiệm, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục cung cấp trò chơi không phép, cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử sẽ thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định.

b) Được hưởng chính sách ưu đãi thuế, phí, nhân lực và các chính sách khác theo quy định pháp luật; được tiếp cận các chương trình vay vốn ưu đãi áp dụng đối với doanh nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số theo quy định của pháp luật;

c) Được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp nội dung số và công nghiệp sáng tạo, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trò chơi điện tử Việt Nam ở trong nước và quốc tế; được hỗ trợ, giới thiệu đưa lên các kho ứng dụng;

3. Các doanh nghiệp sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam, đồng thời đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều này có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định tại Nghị quyết 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam cụ thể: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, phát triển trò chơi điện tử trên mạng thuộc đối tượng khuyến khích quy định tại Điều này. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp trong doanh nghiệp thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, phát

triển trò chơi điện tử trên mạng thuộc đối tượng khuyến khích quy định tại Điều này; Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ hoạt động văn hoá của doanh nghiệp.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

4. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thực hiện việc thẩm định, cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Thủ tục, quy trình cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định này.

Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định để xác định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam trên cơ sở khung tiêu chí đánh giá được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định. Thành viên của Hội đồng thẩm định sẽ gồm các chuyên gia về lĩnh vực văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử gửi doanh nghiệp Báo cáo kết quả thẩm định xác định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam. Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng là căn cứ xác định trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Hồ sơ, thủ tục, quy trình cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để xác định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam trên cơ sở khung tiêu chí đánh giá được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử gửi doanh nghiệp Báo cáo kết quả thẩm định xác định trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam. Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng là căn cứ xác định trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam.

6. Trường hợp trò chơi điện tử trên mạng chỉ cung cấp cho thị trường nước ngoài và không hướng tới người sử dụng tại Việt Nam thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép phát hành tại Việt Nam nhưng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phát hành trò chơi phải bảo đảm không thực hiện hoạt động quảng cáo, hỗ trợ thanh toán hoặc các hoạt động khác nhằm cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam.

Điều 21. Bổ sung Điều 37b sau Điều 37a

“Điều 37b. Quản lý trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử:

1. Phân loại trò chơi điện tử trên mạng sử dụng trong thi đấu thể thao điện tử:

a) Trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng (sau đây gọi là trò chơi đã được cấp phép);

b) Trò chơi điện tử trên mạng chưa được cấp phép tại Việt Nam hoặc trò chơi điện tử G1 trên mạng có phiên bản, nội dung, tính năng khác so với phiên bản đã được cấp phép (sau đây gọi là trò chơi chưa được cấp phép).

2. Đối với trò chơi điện tử G1 trên mạng nêu tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử thực hiện đăng ký tổ chức giải đấu theo quy định. Việc quản lý tổ chức giải đấu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý.

3. Đối với trò chơi điện tử trên mạng nêu tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phục vụ thi đấu

thể thao điện tử do cơ quan tham mưu chuyên môn quản lý nhà nước về thông tin điện tử cấp;

Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phục vụ thi đấu thể thao điện tử chỉ áp dụng đối với giải đấu thể thao điện tử cấp quốc gia, giải đấu thể thao điện tử thành tích cao, giải đấu thể thao điện tử quốc tế tổ chức tại Việt Nam hoặc hoạt động thi đấu thử nghiệm, biểu diễn theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng phục vụ thi đấu thể thao điện tử bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định này và không vi phạm quy định về an ninh, trật tự, văn hóa và đạo đức xã hội.

c) Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phục vụ thi đấu thể thao điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Nghị định này; Quy trình, thủ tục cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phục vụ thi đấu thể thao điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định này.

d) Tổ chức, doanh nghiệp tổ chức giải đấu thể thao điện tử chỉ được thực hiện quảng bá cho giải đấu, không được quảng bá trực tiếp cho trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản này;

4. Quy định về hạn chế thời gian sử dụng trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định này không áp dụng đối với vận động viên dưới 16 tuổi trong thời gian tập luyện và thi đấu chính thức trong khuôn khổ giải đấu thể thao điện tử được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận. Ngoài thời gian tập luyện và thi đấu theo kế hoạch giải đấu, vận động viên dưới 16 tuổi vẫn phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý thời gian sử dụng trò chơi điện tử theo độ tuổi.

Tổ chức, doanh nghiệp quản lý đội tuyển thi đấu thể thao điện tử, tổ chức giải đấu có trách nhiệm xây dựng lịch tập luyện và thi đấu phù hợp với thể trạng về sức khỏe thể chất và tinh thần của vận động viên và đăng ký tài khoản của vận động viên với đơn vị tổ chức giải và/hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại Việt Nam.

5. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng trò chơi điện tử để tổ chức giải đấu thể thao điện tử tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Sử dụng đúng phiên bản trò chơi điện tử đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng;

b) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng trò chơi điện tử G1 trên mạng trong hoạt động thi đấu theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp liên quan đến trò chơi điện tử G1 trên mạng được sử dụng để tổ chức giải đấu;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về trò chơi điện tử trên mạng và pháp luật có liên quan trong quá trình cung cấp và sử dụng trò chơi điện tử để tổ chức thi đấu;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về kết quả tổ chức giải đấu chậm nhất 10 ngày sau khi giải đấu kết thúc.”

Điều 22. Bổ sung Điều 37c sau Điều 37b

“Điều 37c. Cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử

1. Nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử được quản lý theo cơ chế cấp phép và quản lý đối với doanh nghiệp sở hữu hoặc doanh nghiệp được ủy quyền quản lý nền tảng; không thực hiện cấp phép riêng đối với từng trò chơi điện tử, màn chơi hoặc nội dung do người sử dụng tạo ra trên nền tảng đó.

2. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Có cơ chế quản lý nội dung do người sử dụng tạo ra đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định này;

c) Có bộ phận chịu trách nhiệm quản lý nội dung; Có nhân sự trực 24/7 để xử lý các vấn đề: Tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam; giải quyết và phản hồi khiếu nại từ người chơi Việt Nam;

d) Có phương án bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật; có biện pháp phòng ngừa việc trẻ em tiếp cận trò chơi điện tử hoặc nội dung không phù hợp với độ tuổi.

đ) Có hệ thống kỹ thuật đáp ứng việc quản lý, lưu trữ và truy xuất được

thông tin về tài khoản người sử dụng, tài khoản người khởi tạo trò chơi điện tử; lưu giữ được toàn bộ quá trình khởi tạo, chỉnh sửa, phát hành, cập nhật, tạm ngừng cung cấp, gỡ bỏ và khôi phục trò chơi điện tử hoặc nội dung do người sử dụng tạo ra; Có khả năng tạm ngừng cung cấp, khóa truy cập, gỡ bỏ trò chơi điện tử, màn chơi hoặc nội dung vi phạm; khóa hoặc hạn chế quyền của tài khoản người khởi tạo khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Có chức năng lưu giữ nhật ký hoạt động của hệ thống để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

e) Có phương án phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi; hiển thị kết quả phân loại; áp dụng biện pháp kiểm soát việc tiếp cận của người chơi phù hợp với độ tuổi của từng trò chơi điện tử.

g) Có phương án quản lý tài khoản người chơi; quản lý thời gian chơi; quản lý giao dịch đơn vị ảo, vật phẩm ảo hoặc lợi ích khác phát sinh trên nền tảng (nếu có).

h) Có phương án bảo vệ thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật.

3. Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được quyền quản lý, vận hành nền tảng nhưng không quá 05 năm.

Trong trường hợp thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam hết hạn, nếu doanh nghiệp tiếp tục được nhượng quyền quản lý, vận hành nền tảng thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại khoản 6 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền quản lý, vận hành nền tảng hợp pháp tại Việt Nam. Đối với văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.

c) Đề án có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép, bao gồm các nội dung sau: Mô hình hoạt động của nền tảng và phạm vi cung cấp dịch vụ; Cơ chế

quản lý nội dung do người sử dụng tạo ra; Cơ chế phát hiện, ngăn chặn và gỡ bỏ nội dung vi phạm; Cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh và giải quyết khiếu nại; Phương án phân loại trò chơi theo độ tuổi, hiển thị thông tin khuyến cáo đối với người chơi, quản lý thời gian chơi, quản lý tài khoản người chơi và quản lý giao dịch đơn vị ảo, vật phẩm ảo (nếu có); Phương án bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật.

5. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia..

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho doanh nghiệp một đoạn mã (thể hiện biểu tượng nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử đã cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép

a) Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đã được cấp trong các trường hợp: Thay đổi tên nền tảng; thay đổi, bổ sung phương thức, phạm vi cung cấp nền tảng; Thay đổi mô hình hoạt động của nền tảng; Văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp quyền quản lý, vận hành nền tảng được tiếp tục gia hạn.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia..

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp từ chối, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

7. Trình tự thủ tục đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử; đình chỉ hoạt động cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử

a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ban hành Quyết định đình chỉ hoạt động cung cấp nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử trong thời hạn 03 tháng khi doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp: Vi phạm quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng; Không đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này sau khi đã được Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử yêu cầu khắc phục bằng văn bản trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được văn bản.

b) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử trong các trường hợp: Doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, đình chỉ phát hành theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này nhưng không triển khai các biện pháp khắc phục bảo đảm tính khả thi sau khi hết thời gian bị đình chỉ; Các trường hợp Giấy phép hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều này; Có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động hoặc sau 12 tháng kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực mà doanh nghiệp không triển khai cung cấp dịch vụ và không có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép.”

Điều 23. Bổ sung Điều 37d sau Điều 37c

“Điều 37d. Trách nhiệm của doanh nghiệp sở hữu nền tảng có tính năng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử và doanh nghiệp được ủy quyền quản lý nền tảng

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp sở hữu nền tảng có tính năng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử:

a) Chỉ được cung cấp nền tảng tại Việt Nam thông qua doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam và được ủy quyền hợp pháp để quản lý,

vận hành nền tảng tại Việt Nam;

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và doanh nghiệp được ủy quyền quản lý nền tảng tại Việt Nam trong việc rà soát, ngăn chặn, gỡ bỏ các trò chơi điện tử vi phạm pháp luật Việt Nam trên nền tảng chậm nhất là 24 giờ theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc kể từ khi tự phát hiện, nhận được báo vi phạm từ người sử dụng;

c) Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến tài khoản người khởi tạo, trò chơi điện tử, màn chơi hoặc nội dung do người sử dụng tạo ra theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm duy trì các điều kiện kỹ thuật, cơ chế quản lý nội dung và các điều kiện khác theo quy định của Nghị định này trong suốt quá trình cung cấp nền tảng tại Việt Nam.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được ủy quyền cung cấp và quản lý nền tảng số tại Việt Nam:

Doanh nghiệp được ủy quyền cung cấp và quản lý nền tảng số tại Việt Nam phải thực hiện các trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Điều 54 Nghị định này và các trách nhiệm sau:

a) Quản lý toàn bộ trò chơi điện tử, màn chơi và nội dung do người sử dụng khởi tạo, phát hành hoặc phân phối trên nền tảng, bảo đảm nội dung cung cấp trên nền tảng tuân thủ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 37 Nghị định này;

b) Thực hiện phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi; hiển thị kết quả phân loại, thông tin cảnh báo và áp dụng biện pháp kiểm soát truy cập phù hợp đối với từng nhóm người chơi;

c) Chủ động rà soát, phát hiện và phối hợp với doanh nghiệp sở hữu nền tảng để ngăn chặn, khóa truy cập, tạm dừng cung cấp hoặc gỡ bỏ trò chơi điện tử, màn chơi hoặc nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam; thực hiện gỡ bỏ nội dung vi phạm chậm nhất là 24 giờ theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền;

d) Báo cáo định kỳ hằng tháng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử về tình hình cung cấp nền tảng bao gồm: Tên trò chơi, màn chơi, nội dung cung cấp, thời điểm cung cấp và kết quả phân loại độ tuổi trò chơi, màn chơi; Thông tin về người khởi tạo, thời điểm phát hành; Số lượng trò chơi điện tử, màn chơi hoặc nội dung đã bị ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc tạm dừng cung cấp, lý do xử lý; Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại của người sử dụng; Các nội dung khác theo yêu cầu

của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38

“1. Trò chơi điện tử trên mạng được phân loại theo các độ tuổi như sau:

a) Trò chơi điện tử trên mạng dành cho người chơi mọi lứa tuổi (ký hiệu 00+) là trò chơi phù hợp với mọi lứa tuổi, đáp ứng các tiêu chí sau: Nội dung không có yếu tố bạo lực hoặc chỉ có yếu tố đối kháng ở mức đơn giản, mang tính giải trí, thi đấu hoặc tương tác nhẹ nhàng; Hình ảnh, âm thanh mang tính hoạt hình, giả tưởng; không mô tả chi tiết hành vi gây tổn hại; nhân vật bị loại bỏ được thể hiện bằng các hiệu ứng phi thực tế như biến mất, ngã xuống hoặc chuyển trạng thái; Không có hình ảnh, âm thanh về máu, thương tích, xác chết hoặc các yếu tố gây sợ hãi, kinh dị dưới bất kỳ hình thức nào; Không có nội dung, hình ảnh, âm thanh mang tính gợi cảm, khiêu dâm, khỏa thân, thô tục hoặc ám chỉ tình dục; Không có hành vi nguy hiểm hoặc nội dung có khả năng bị trẻ em bắt chước gây ảnh hưởng tiêu cực; Không có nội dung, hình ảnh phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới; không có nội dung, hình ảnh dẫn tới ảnh hưởng chủ quyền quốc gia.

b) Trò chơi điện tử trên mạng dành cho người chơi từ đủ 12 tuổi trở lên (ký hiệu 12+) là trò chơi đáp ứng các tiêu chí sau: Có yếu tố bạo lực ở mức nhẹ, chủ yếu mang tính giả tưởng, không mô tả chi tiết hành vi gây tổn hại; Có thể xuất hiện các tình huống chiến đấu hoặc đối kháng với hiệu ứng rõ ràng, nhưng không có hình ảnh máu, thương tích tả thực hoặc xác chết; Yếu tố căng thẳng, hồi hộp ở mức hạn chế, không gây ám ảnh tâm lý; Có thể có yếu tố gây sợ hãi ở mức nhẹ, không kéo dài hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý người chơi; Không có nội dung, hình ảnh, âm thanh mang tính khiêu dâm, thô tục hoặc ám chỉ tình dục; Không có hành vi nguy hiểm hoặc nội dung cổ súy hành vi lệch chuẩn dễ bị trẻ em bắt chước; Không có nội dung, hình ảnh phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới; không có nội dung, hình ảnh dẫn tới ảnh hưởng chủ quyền quốc gia.

c) Trò chơi dành cho người chơi từ đủ 16 tuổi (ký hiệu là 16+) là trò chơi đáp ứng các tiêu chí sau: Có yếu tố bạo lực ở mức trung bình, có thể mô tả chi tiết hơn các tình huống chiến đấu nhưng không mang tính cực đoan; Có thể xuất hiện hình ảnh máu hoặc thương tích ở mức hạn chế, không tả thực, không gây ám ảnh mạnh; Có yếu tố căng thẳng, hồi hộp hoặc kinh dị ở mức vừa phải, không gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đến tâm lý; Ngôn ngữ sử dụng có thể mang tính biểu đạt mạnh nhưng không thô tục, xúc phạm nghiêm trọng; Không

có nội dung khiêu dâm, khỏa thân hoặc mô tả chi tiết các bộ phận nhạy cảm của cơ thể hoặc cổ súy hành vi bạo lực cực đoan, tội phạm hoặc hành vi lệch chuẩn nghiêm trọng; Không có âm thanh, hình ảnh bạo lực cực độ, mô tả chi tiết máu me, nội tạng, vết thương hở hoặc hành vi xé xác, cảnh tra tấn chi tiết, yếu tố kinh dị mạnh gây ám ảnh tâm lý nghiêm trọng; Không có nội dung, hình ảnh phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới; không có nội dung, hình ảnh dẫn tới ảnh hưởng chủ quyền quốc gia.

d) Trò chơi dành cho người chơi từ đủ 18 tuổi (ký hiệu là 18+) là trò chơi không có hoạt động, hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ, lời thoại khiêu dâm, thô tục; không có nội dung kích động hoặc cổ xúy hành vi lệch chuẩn nghiêm trọng. Đối với trò chơi có hoạt động đối kháng, chiến đấu thì có sử dụng hình ảnh vũ khí mô phỏng thực tế, nhân vật mô phỏng người thật; Có thể có yếu tố kinh dị, căng thẳng tâm lý hoặc nội dung phức tạp; Không có nội dung, hình ảnh phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử về giới; không có nội dung, hình ảnh dẫn tới ảnh hưởng chủ quyền quốc gia”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“1. Doanh nghiệp được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử GI trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

c) Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định này.

d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin

của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam đã được xác thực theo quy định pháp luật, bảo đảm người chơi phải đăng ký và xác thực tài khoản trước khi tiếp tục sử dụng trò chơi, trừ trường hợp sử dụng tài khoản chơi thử theo quy định tại khoản 8 Điều 37 Nghị định này; trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì tài khoản được đăng ký bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật về dân sự; cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định;

đ) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày của người chơi dưới 16 tuổi không quá 60 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 16 tuổi do doanh nghiệp cung cấp;

e) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị kết quả phân loại trò chơi và thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết và do doanh nghiệp chủ động lựa chọn với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu và phát hành như sau: Hiển thị liên tục trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và tại màn hình đăng nhập/đăng ký trò chơi; Hiển thị với tần suất 30 phút/lần trong màn hình thiết bị trò chơi với thời gian hiển thị ít nhất 10 giây/lần;

g) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

h) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.”

2. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trường hợp văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam được tiếp tục gia hạn thì thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam (văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực).

3. Đề án phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp Quyết định, bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, nguồn gốc, xuất xứ, phiên bản phát hành của trò chơi; Nội dung, kịch bản trò chơi bao gồm: Cốt truyện, mô tả cách chơi (thực hiện các nhiệm vụ của các nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau), hệ thống nhân vật (bao gồm hình ảnh nhân vật, tính năng, kỹ năng nhân vật), hệ thống vũ khí, trang bị, hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ), âm thanh, hình ảnh, hoạt động tương tác;

b) Hệ thống đơn vị ảo, vật phẩm ảo, điểm thưởng;

c) Kết quả phân loại độ tuổi người chơi; mô tả cách thức hiển thị logo phân loại độ tuổi và thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe”.

d) Biện pháp quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có);

đ) Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp, các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi;

e) Thông tin về quá trình người chơi đăng ký tài khoản và thực hiện xác thực bằng số điện thoại di động tại Việt Nam.

2. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau:

5. Trường hợp trò chơi điện tử trên mạng có nội dung thể hiện bản sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam và trò chơi có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam theo quy định tại Điều 37a Nghị định này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại Điều 44 Nghị định này phải bổ sung thêm các Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37a Nghị định này.

6. Trường hợp trò chơi điện tử G1 trên mạng được sử dụng để thi đấu thể

thao điện tử tại Việt Nam quy định tại Điều 37b Nghị định này thì thực hiện quy trình, thủ tục cấp Quyết định theo quy định tại Điều 45 Nghị định này. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Quyết định bao gồm:

a) Văn bản nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi để tổ chức thi đấu thể thao điện tử tại Việt Nam;

b) Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; văn bản thỏa thuận cho tổ chức, doanh nghiệp được quyền sử dụng trò chơi điện tử để tổ chức giải đấu tại Việt Nam. Đối với trò chơi của nước ngoài sản xuất, phải có hợp pháp hóa lãnh sự tại nước sở tại kèm theo văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được quyền sử dụng trò chơi điện tử để tổ chức giải đấu tại Việt Nam (văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực).

c) Tài liệu, thiết bị lưu trữ/tài liệu điện tử về trò chơi điện tử bao gồm: Tên trò chơi, nguồn gốc xuất xứ của trò chơi; nội dung kịch bản trò chơi đáp ứng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 43 Nghị định này; phiên bản phát hành; nội dung, kịch bản trò chơi; phân loại độ tuổi người chơi; hệ thống nhân vật; hệ thống bản đồ (sơ đồ); hệ thống đơn vị ảo, vật phẩm ảo, điểm thưởng; âm thanh, hình ảnh, hoạt động tương tác của nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau.

d) Thông tin mô tả trò chơi điện tử đáp ứng quy định tại khoản 49 Điều 3 và điểm a khoản 3 Điều 37b Nghị định này;

đ) Phương án bảo đảm an ninh mạng, kiểm soát nội dung phát sinh trong quá trình phát sóng trực tuyến, bình luận và tương tác.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 46

1. Bổ sung điểm e, điểm g khoản 1 như sau:

“e) Văn bản thỏa thuận của đối tác cho doanh nghiệp được phát hành được tiếp tục gia hạn;

g) Quyết định hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Nghị định này”.

2. Sửa đổi khoản 6 như sau:

“Doanh nghiệp đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử GI trên mạng khi thay đổi chủ sở hữu hoặc thay đổi tổ chức, cá nhân nắm quyền chi phối doanh nghiệp do chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp hoặc các hình thức khác theo quy định

của pháp luật thì phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định này”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“1. Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G3, G4 trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 7 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

c) Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2 trên mạng ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

a) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam đã được xác thực theo quy định pháp luật, bảo đảm người chơi phải đăng ký và xác thực tài khoản trước khi tiếp tục sử dụng trò chơi, trừ trường hợp sử dụng tài khoản chơi thử theo quy định tại khoản 8 Điều 37 Nghị định này; trường hợp người chơi là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì tài khoản được đăng ký bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật về dân sự; cha, mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định;

b) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày của người chơi dưới 16 tuổi không quá 60 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 16 tuổi do doanh nghiệp cung cấp;”

c) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị kết quả phân loại trò chơi và thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết và do doanh nghiệp chủ động lựa chọn với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu, quảng cáo và phát hành như sau: Hiển thị liên tục trên trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và tại màn hình đăng nhập/dăng ký trò chơi; Hiển thị với tần suất 30 phút/lần trong màn hình thiết bị trò chơi với thời gian hiển thị ít nhất 15 giây/lần;

d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

3. Trước khi chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, doanh nghiệp gửi Thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai Thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp thông báo phát hành từ hai trò chơi điện tử trở lên trong cùng một lần nộp hồ sơ, doanh nghiệp lập một Tờ khai và kèm theo Danh mục trò chơi điện tử theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi hoặc tạm dừng phát hành đối với một trò chơi điện tử trong Danh mục trò chơi điện tử không làm ảnh hưởng đến hiệu lực thông báo của các trò chơi điện tử còn lại, trừ trường hợp doanh nghiệp có đề nghị khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo mẫu số 45 đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ Thông báo phát hành. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trong trường hợp văn bản ủy quyền/nhượng quyền trò chơi hết hạn, nếu doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử trên mạng tiếp tục được nhượng quyền phát hành trò chơi thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận trong những trường hợp đây:

- a) Thay đổi tên trò chơi, nguồn gốc của trò chơi;
- b) Thay đổi kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi;
- c) Thay đổi loại hình trò chơi điện tử đang cung cấp (G2, G3, G4);
- d) Thay đổi, bổ sung phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành (tên miền đối với trò chơi cung cấp trên trang thông tin điện tử, địa chỉ IP, kênh phân phối đối với trò chơi cung cấp cho thiết bị di động;
- e) Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng hết hạn và doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn;
- g) Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng hết hiệu lực theo quy định tại khoản 7 Điều 82 Nghị định này”.

6. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành

trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 54

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam để quản lý thanh toán, lưu trữ thông tin người chơi tại Việt Nam và để phục vụ thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin khi có yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, cơ quan có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của người chơi đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật, đảm bảo chỉ những người chơi đã cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định này mới được tham gia chơi trò chơi; cung cấp trò chơi có nội dung phù hợp với lứa tuổi; hiển thị kết quả phân loại độ tuổi và thông tin khuyến cáo “Chơi quá 180 phút/ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” và áp dụng biện pháp giới hạn giờ chơi đối với trẻ em theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 43 và điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em; hiển thị kết quả phân loại độ tuổi khi thực hiện quảng cáo; bảo đảm người sử dụng dịch vụ có quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng được sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng bá, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“ 14. Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game); Kết nối với các hình thức thanh toán hợp pháp để thu tiền người chơi, thanh toán cho trò chơi điện tử trên mạng do doanh nghiệp phát hành.”

4. Bổ sung khoản 16 sau khoản 15 như sau:

“16. Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số

điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam; trường hợp người chơi dưới 16 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự và có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều 55:

“1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng thẩm định trò chơi điện tử trên mạng để tư vấn trong việc thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định này.

2. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng bao gồm đại diện một số cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan, có trình độ chuyên môn phù hợp, bảo đảm công việc tư vấn thẩm định chặt chẽ, khách quan.

3. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng có nhiệm vụ tư vấn trong quá trình thẩm định trò chơi điện tử trên mạng.

Trong trường hợp thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam hoặc mang bản sắc, đặc trưng văn hóa Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng chuyên biệt gồm chuyên gia, nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định căn cứ theo khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Kết quả thẩm định của Hội đồng là cơ sở để xác định trò chơi được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37a Nghị định này.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng; Khung tiêu chí đánh giá trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam;

5. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử trên mạng được thành lập Tổ giúp việc để giúp việc cho Hội đồng liên quan đến việc thẩm định trò chơi điện tử trên mạng. Tổ giúp việc do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử thành lập.”

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 57

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng chỉ được khởi tạo các vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử G1 trên mạng theo đúng nội dung mà doanh nghiệp đã báo cáo trong hồ sơ được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5:

“5. Vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng chỉ được trao đổi giữa người chơi với nhau trong phạm vi của từng trò chơi do Doanh nghiệp cung cấp; không tổ chức mua bán, giao dịch vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng ở bên ngoài trò chơi”.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 62

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng áp dụng trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phổ biến pháp luật, quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị danh sách các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn, danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động; thông báo cho các chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động và thực hiện báo cáo định kỳ chậm nhất ngày 20 tháng 11 hàng năm về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nội dung theo Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm.

Hình thức gửi báo cáo: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70

“2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động thực hiện thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Viễn thông và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật tại Nghị định này về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin chuyên ngành do mình cung cấp.

Đối với các dịch vụ nội dung thông tin cung cấp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động thì tổ chức, doanh nghiệp phải có giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận chuyên ngành liên quan đến các hoạt động thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật có liên quan”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều 77

“1. Định kỳ hàng năm, trước ngày 25 tháng 11, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính về tình hình cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 61 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Định kỳ hàng năm, trước ngày 25 tháng 11, doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về viễn thông của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính về tình hình cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 62 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về

viễn thông của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử tới Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về viễn thông của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.”.

Điều 35. Thay thế các cụm từ, biểu mẫu

1. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*” tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Khoa học và Công nghệ*” tại khoản 2 Điều 3; khoản 7 Điều 3; Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 16 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 12; khoản 4, khoản 5 Điều 13; khoản 2, khoản 3 Điều 14; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 15; khoản 3, khoản 4 Điều 16; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 17; khoản 3 Điều 18; khoản 2, khoản 3 Điều 19, Điều 74, Điều 75, Điều 77 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Bộ Công an*” tại điểm b khoản 2 Điều 79, khoản 2, điểm a khoản 4, điểm a, điểm b khoản 5 Điều 80 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

4. Thay thế cụm từ “*Sở Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*” tại khoản 4, khoản 10 Điều 24; khoản 3, khoản 4 Điều 30; khoản 4 Điều 34; khoản 6, khoản 7, khoản 12 Điều 35; khoản 7 Điều 36; khoản 10 Điều 54; khoản 3, khoản 4 Điều 58; Điều 61; khoản 6, Điều 68.....

5. Thay thế cụm từ “*Sở Thông tin và Truyền thông*” bằng cụm từ “*Sở Khoa học và Công nghệ*” tại.....

6. Thay thế cụm từ “*Điều 8 Luật An ninh mạng*” bằng cụm từ “*Điều 7 Luật An ninh mạng*” tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

7. Thay thế cụm từ “*Điều 37 Luật Báo chí*” bằng cụm từ “*khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí 2025*” tại điểm c khoản 4 Điều 24

8. Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 20, Mẫu số 21, Mẫu số 23, Mẫu số 24, Mẫu số 25, Mẫu số 26, Mẫu số 32, mẫu số 29, mẫu số 30, mẫu số 31, Mẫu số 38, Mẫu số 39, , mẫu số 43, mẫu số 44, mẫu số 45 Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01a, Mẫu số 01b, Mẫu số 02a, Mẫu số

02b, **Mẫu số 02c**, Mẫu số 03a, Mẫu số 03b, **Mẫu số 03c**, Mẫu số 04, Mẫu số 05a, Mẫu số 05b, **Mẫu số 05c**, mẫu số 29, mẫu số 30, mẫu số 31, mẫu số 43, mẫu số 44, mẫu số 45 ... tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 36. Bãi bỏ các quy định sau:

1. Bãi bỏ **Khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15**; Điểm c khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 30; khoản 5 Điều 32, điểm đ khoản 2 Điều 33, điểm c khoản 2 Điều 38, khoản 3 Điều 38, khoản 5 Điều 46, khoản 4 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 64; khoản 4 Điều 66; khoản 3 Điều 70, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

2. Bãi bỏ Điều 22, mục 17 và danh mục 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 138/2025/NĐ/CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

3. Bãi bỏ Điều 18, **khoản 2 Điều 24**, khoản 3, khoản 4 Điều 26 tại Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Bãi bỏ cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố/Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại các mẫu số...

5. Bãi bỏ cụm từ “Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng” tại điều 47;

6. Bãi bỏ cụm từ “Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng” tại Điều 53.

7. Bãi bỏ cụm từ “*điểm b khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 3 Điều 15,*” tại khoản 10 Điều 26 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Bãi bỏ mẫu số 32, mẫu số 33, mẫu số 27, mẫu số 28, mẫu số 37, mẫu số 38, mẫu số 39, Mẫu số 40, Mẫu số 41, mẫu số 42, mẫu số 46, mẫu số 55a, mẫu số 55b, mẫu số 56, mẫu số 57, mẫu số 58, mẫu số 59, mẫu số 60 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày....tháng....năm 2026
2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp đang còn hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong văn bản, giấy tờ.
3. Các hồ sơ, thủ tục đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.
4. Trong vòng 120 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam và tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước có trách nhiệm rà soát rà soát, thực hiện đóng hoặc ngừng hoạt động hoàn toàn tất cả các tài khoản mạng xã hội hiện có của người sử dụng được xác định dưới 16 tuổi trên mạng xã hội do mình cung cấp”
5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ)

Mẫu số 01a	Bản khai đăng ký chuyển giao Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) với ICANN
Mẫu số 01b	Văn bản trả lời báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD
Mẫu số 02a	Báo cáo cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 02b	Trả lời báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 02c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 03a	Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 03b	Văn bản trả lời đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 03c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 04	Các nội dung cần được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ký giữa Trung tâm Internet Việt Nam và doanh nghiệp đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 05a	Báo cáo hoạt động tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry)
Mẫu số 05b	Trả lời báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD)
Mẫu số 05c	Văn bản thông báo hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD)
Mẫu số 29	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 30	Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 31	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử
Mẫu số 43	Thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng
Mẫu số 44	Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 45	Thông báo thay đổi nội dung Giấy xác nhận Thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

Mẫu số 63	Thông báo thay đổi nội dung giấy phép/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 64	Giấy xác nhận thông báo thay đổi nội dung giấy phép/giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 65	Thông báo Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 66	Giấy xác nhận thông báo Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ Mạng xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO TÊN MIỀN DÙNG CHUNG
 CẤP CAO NHẤT MỚI (NEW GTLD) VỚI ICANN**

Kính gửi: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

1. Thông tin về chủ thể cá nhân đăng ký chuyển giao New gTLD (Trường hợp cá nhân đăng ký)	Họ và tên:..... Ngày sinh:..... Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu: Địa chỉ:..... Tỉnh/thành phố:..... Quốc gia:..... Số điện thoại:..... Email :..... Postcode :.....
2. Thông tin về cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp (Trường hợp cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)	Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:..... Mã định danh điện tử của tổ chức:..... Mã số doanh nghiệp:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website:..... Ghi chú:.....
3. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp (Trường hợp tổ chức/ doanh nghiệp đăng ký)	Họ và tên:..... Chức vụ:..... Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu: Địa chỉ:..... Tỉnh/thành phố:..... Số điện thoại:..... Email :.....
4. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp trong việc	Người chịu trách nhiệm quản lý New gTLD: Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....

quản lý New gTLD <i>(Trường hợp cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)</i>	Người quản lý kỹ thuật: Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
54. Thông tin về New gTLD có nhu cầu đăng ký với ICANN	New gTLD:.....
65. Kế hoạch sử dụng New gTLD-Mục đích sử dụng New gTLD	<i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng New gTLD tại đây)</i>
76. Tài liệu gửi kèm Thông tin bổ sung	(1) Thuyết minh về hạ tầng mạng lưới kỹ thuật; hệ thống máy chủ DNS quản lý New gTLD. (2) Dự báo đánh giá tác động xã hội, ảnh hưởng đối với hoạt động Internet Việt Nam khi sử dụng New gTLD tại Việt Nam.
8. Thông tin bổ sung	

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....ngàytháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 01b

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo
đăng ký chuyển giao New gTLD

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD của Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch** UBND/ ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Trong quá trình triển khai đăng ký chuyển giao New gTLD, có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm ICANN chính thức chuyển giao New gTLD, chủ thể có văn bản thông báo với **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam).

(Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH****QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA****NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, đóng
dấu/ký số của cơ quan Ủy ban nhân
dân)*

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố**

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/Fax: - Email:
3	Thông tin về đối tác ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam (chọn ô tương ứng)	Là Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). ☐ Là Nhà đăng ký tên miền chính thức (Accredited Registrar) của ICANN. ☐ - Tên đối tác: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam khi triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam.

....., ngày tháng ... năm ...

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
 NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ
đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà đăng
ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch UBND tỉnh** ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. **Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam** (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định.

3. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(*Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ

(*Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan*)

...

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v hủy bỏ xác nhận hoạt động cung cấp dịch
vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế của Nhà
đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

Kính gửi: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố**

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/Fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/Fax: - Email:
3.	Các thông tin liên quan để triển khai cung cấp dịch vụ:	
3.1	Thông tin về kỹ thuật	- Mô tả hạ tầng phòng máy - Mô tả sơ đồ và kiến trúc mạng - Mô tả Hệ thống kỹ thuật để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần hệ thống chính: chức năng, nguyên lý hoạt động và kết nối giữa các thành phần hệ thống. - Tên, địa chỉ IP của Hệ thống máy chủ DNS - Mô tả Phương án đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu, dự phòng, cung cấp dịch vụ liên tục - Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) của hệ thống, dịch vụ cung cấp
3.2	Thông tin về cung cấp dịch vụ	- Mô tả thông tin về đối tác đã ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền: + Ký hợp đồng với Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). ☐ + Ký hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền chính thức

		(Accredited Registrar) của ICANN. □ - Mô tả phương án nhân sự kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống - Mô tả phương án nhân sự chuyên trách về quản lý tên miền - Mô tả hình thức tiếp nhận đăng ký tên miền (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ bưu chính) - Thông tin website cung cấp dịch vụ; các biểu mẫu, quy trình, nội dung thông tin trên website - Mô tả kế hoạch quản lý chăm sóc khách hàng: (liên lạc khách hàng khi cần thiết, theo dõi nhắc nhở tên miền đến hạn duy trì...) - Mô tả kế hoạch, cách thức quản lý hồ sơ và thông tin, dữ liệu tên miền - Thuyết minh về công tác xử lý khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi khách hàng
3.3	Thông tin khác	Kinh nghiệm triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và các dịch vụ liên quan (nếu có): - Danh mục các tên miền quốc tế mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ. - Danh mục các dịch vụ Internet mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng và chính xác; tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Lưu ý:

- Đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thì nộp đơn đề nghị thông qua việc ủy quyền cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Mẫu số 03b

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký,
duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch** UBND/ ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ký hợp đồng Nhà đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam) để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này.

3. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định.

4. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

...

Mẫu số 03c

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ đăng ký,
duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)*

...

**CÁC NỘI DUNG CẦN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA
VIỆT NAM “.VN” KÝ GIỮA TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM VÀ
TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG
KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

1. Đối tượng của hợp đồng.
2. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng.
3. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên
 - a) Quyền hạn và trách nhiệm của bên A (Trung tâm Internet Việt Nam):
nêu cụ thể các trách nhiệm về hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động các Nhà
đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
 - b) Quyền hạn và trách nhiệm của bên B (Nhà đăng ký tên miền quốc gia
Việt Nam “.vn”): Nêu cụ thể các quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong
cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy
định tại Nghị định này.
4. Điều khoản đáp ứng về tiêu chuẩn Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt
Nam “.vn” trong đó yêu cầu năng lực về nhân sự và kỹ thuật quy định tại Nghị
định này, cụ thể như sau:
 - a) Có số lượng cán bộ kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ và
cán bộ chuyên trách quản lý nghiệp vụ tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phù
hợp với quy mô cung cấp dịch vụ;
 - b) Có hạ tầng mạng, hệ thống kỹ thuật, hệ thống máy chủ DNS được kết
nối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Internet Việt Nam;
 - c) Có cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý việc đăng ký, thu phí, duy trì tên
miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
 - d) Có giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; sao lưu dự phòng và
khôi phục nhanh chóng các dữ liệu khi sự cố xảy ra.
5. Cam kết về kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển tên miền quốc
gia Việt Nam “.vn” và số lượng tên miền cụ thể.
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
7. Trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng.
8. Phạt vi phạm hợp đồng.
9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÊN MIỀN DÙNG
CHUNG CẤP CAO NHẤT MỚI TẠI VIỆT NAM
(NEW GTLD REGISTRY)

Kính gửi: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

1	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp	- Tên tổ chức, doanh nghiệp: - Mã định danh điện tử của tổ chức: - Mã số doanh nghiệp: - Tên giao dịch quốc tế: - Tên viết tắt: - Địa chỉ trụ sở chính: - Điện thoại/fax: - Email: - Website:
2	Thông tin người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp	- Họ và tên: - Chức vụ: - Địa chỉ liên hệ: - Điện thoại/fax: - Email:
3.	Các thông tin liên quan để triển khai cung cấp dịch vụ:	
3.1	Thông tin về kỹ thuật	- Mô tả hạ tầng phòng máy - Mô tả sơ đồ và kiến trúc mạng - Mô tả Hệ thống kỹ thuật để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần hệ thống chính: chức năng, nguyên lý hoạt động và kết nối giữa các thành phần hệ thống. - Tên, địa chỉ IP của Hệ thống máy chủ DNS - Mô tả Phương án đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu, dự phòng, cung cấp dịch vụ liên tục - Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) của hệ thống, dịch vụ cung cấp

3.2	Thông tin về cung cấp dịch vụ	- Mô tả thông tin về đối tác đã ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền: + Ký hợp đồng với Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN). □ + Ký hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền chính thức (Accredited Registrar) của ICANN. □ - Mô tả phương án nhân sự kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống - Mô tả phương án nhân sự chuyên trách về quản lý tên miền - Mô tả hình thức tiếp nhận đăng ký tên miền (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ bưu chính) - Thông tin website cung cấp dịch vụ; các biểu mẫu, quy trình, nội dung thông tin trên website - Mô tả kế hoạch quản lý chăm sóc khách hàng: (liên lạc khách hàng khi cần thiết, theo dõi nhắc nhở tên miền đến hạn duy trì...) - Mô tả kế hoạch, cách thức quản lý hồ sơ và thông tin, dữ liệu tên miền - Thuyết minh về công tác xử lý khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi khách hàng
3.3	Thông tin khác	Kinh nghiệm triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và các dịch vụ liên quan (nếu có): - Danh mục các tên miền quốc tế mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ. - Danh mục các dịch vụ Internet mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, quản lý thông tin trên Internet.

....., ngày tháng ... năm ...

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 05b

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v trả lời báo cáo hoạt động

Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao
nhất mới (New gTLD)

Kính gửi:

Ngày ... , **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) của Quý đơn vị. Thực hiện quy trình xử lý, **Chủ tịch UBND tỉnh** ... trân trọng thông báo:

1. Đồng ý việc hoàn thành báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) công bố danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định.

3. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền cấp dưới New gTLD tại Việt Nam, Quý đơn vị có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

(Trường hợp từ chối, nêu rõ lý do).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan Ủy ban
nhân dân)*

ỦY BAN NHÂN DÂN...

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v hủy bỏ xác nhận hoạt động
Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao
nhất mới (New gTLD)

Kính gửi:

Ngày ... , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) ... đã nhận được đề nghị chấm dứt hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) của (tên doanh nghiệp/tổ chức). Thực hiện quy trình xử lý, Chủ tịch UBND tỉnh ... trân trọng thông báo:

1. Hủy bỏ xác nhận hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Tổ chức quản lý tài nguyên Internet ở Việt Nam (Trung tâm Internet Việt Nam) bỏ (tên doanh nghiệp/tổ chức) trong danh sách Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

-
-
- Trung tâm Internet Việt Nam;
- Lưu: VT,.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
đóng dấu/ký số của cơ quan)

...

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP VÀ QUẢN LÝ NỀN TẢNG SỐ
CÓ TÍNH NĂNG CHO PHÉP NGƯỜI SỬ DỤNG KHỞI TẠO VÀ PHÂN PHỐI
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông
tin điện tử

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....
- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp,
đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

**Phần 2. Thông tin về nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo
và phân phối trò chơi điện tử**

1. Tên nền tảng:
 - Tên tiếng Việt:
 - Các tên tiếng nước ngoài:
2. Nguồn gốc nền tảng:
6. Mô tả tóm tắt mô hình hoạt động của nền tảng:
7. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):
8. Phương thức, phạm vi cung cấp nền tảng
- 9.1. Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:
- 9.2. Kênh phân phối nền tảng
 - PC: website cung cấp nền tảng
 - Kho ứng dụng: tên kho ứng dụng, tên tài khoản phát hành hiển thị trên ứng dụng
 - Kênh phân phối khác:.....
- 9.3. Địa chỉ IP:

10. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:

.....

12. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:

.....

- Chức vụ:

- Điện thoại liên lạc:

13. Thời hạn đề nghị cấp Giấy phép: (tối đa 05 năm).

14. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành):

.....

15. Tài liệu kèm theo (quy định tại.....Nghị định.....)

1.

Phần 3. Cam kết

1. Cam kết về việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp được ủy quyền cung cấp và quản lý nền tảng số tại Việt Nam:

Công ty.....cam kết thực hiện nghiêm các trách nhiệm của doanh nghiệp được ủy quyền cung cấp và quản lý nền tảng số tại Việt Nam, cụ thể như sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không lợi dụng việc cung cấp nền tảng để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Cam kết kế hoạch triển khai dịch vụ

Căn cứ vào các nội dung được trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, doanh nghiệp.....cam kết triển khai cung cấp dịch vụ sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép; Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; thực hiện đúng các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các nội dung cam kết khác

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện cung cấp... theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Doanh nghiệp.....cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử phạt theo quy định của Nhà nước và Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi vi phạm các cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:GP-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP VÀ QUẢN LÝ NỀN TẢNG SỐ CÓ TÍNH NĂNG
CHO PHÉP NGƯỜI SỬ DỤNG KHỞI TẠO VÀ PHÂN PHỐI TRÒ CHƠI ĐIỆN
TỬ***Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Lý do sửa đổi, bổ sung:***CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ...**Xét đề nghị của (Công ty có hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử);**Theo đề nghị của***CẤP PHÉP CHO:****Tên đơn vị (viết bằng chữ in hoa)**

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

+ Họ và tên.....

+ Chức vụ:

+ Số điện thoại liên lạc:

Được cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử theo các quy định sau:

Điều 1: Thông tin về nền tảng

1. Tên nền tảng:

- Tên tiếng Việt:

- Các tên tiếng nước ngoài:

2. Nguồn gốc nền tảng:

3. Tóm tắt mô hình hoạt động của nền tảng:

4. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam:

5. Địa chỉ IP:

6. Phương thức, phạm vi cung cấp nền tảng

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

- Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Những điều ghi trong giấy phép này; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày

Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Công ty
- Bộ Công an;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VHTTDL/Sở VH&TT
(phù hợp phạm vi quản lý);
- Lưu: VT...

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP VÀ QUẢN LÝ NỀN
TẢNG SỐ CÓ TÍNH NĂNG CHO PHÉP NGƯỜI SỬ DỤNG KHỞI TẠO
VÀ PHÂN PHỐI TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo**Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Căn cứ Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;***(TÊN ĐƠN VỊ) ĐỀ NGHỊ**

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử của (tên đơn vị có Giấy phép) gồm những nội dung, như sau: (danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có Giấy phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp Giấy phép sửa đổi bổ sung Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên đơn vị cấp Giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Phát hành trò chơi điện tử trên mạng**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy xác nhận

1. Tên đơn vị đề nghị phát hành trò chơi điện tử trên mạng (viết chữ in hoa):

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

2. Đề nghị cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo các nội dung sau:**2.1. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:**

- Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:
- Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):
- Địa chỉ IP:

2.2. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):**2.3. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp:****2.4. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:****2.5. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:**

- Chức vụ:
- Điện thoại liên lạc:

2.6. Thời hạn đề nghị cấp giấy xác nhận thông báo: (tối đa 05 năm).**2.7. Nội dung trò chơi:**

TT	Tên trò chơi (tên tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	Phiên bản trò chơi	Ngôn ngữ thể hiện	Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi	Nguồn gốc trò chơi	Loại hình trò chơi cung cấp (G2 hoặc G3 hoặc G4)	Mô tả nội dung, kịch bản trò chơi, cách chơi	hình ảnh chính trong game
1								
2								
3								
...								

3. Tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)
- (...)

4. (Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; Chịu trách nhiệm về bản quyền của trò chơi; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (Tên doanh nghiệp) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng, (Tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm các quy định trong Giấy xác nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu)

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY XÁC NHẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GXN-....

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG***Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ...**Lý do sửa đổi, bổ sung:*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của.....

**CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN
XÁC NHẬN:**

1. Tên đơn vị phát hành trò chơi điện tử trên mạng (viết chữ in hoa):

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp, đăng ký lần đầu, ngày... tháng... năm..., đăng ký

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

2. Xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo các nội dung sau:

2.1. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:

- Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:

- Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):

- Địa chỉ IP:

2.2. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):

2.3. Nội dung trò chơi:

TT	Tên trò chơi (tên tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	Phiên bản trò chơi	Ngôn ngữ thể hiện	Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi	Nguồn gốc trò chơi	Loại hình trò chơi cung cấp (G2 hoặc G3 hoặc G4)	Nội dung, kịch bản trò chơi, cách chơi
1							
2							
3							
...							

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Giấy chứng nhận này và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy xác nhận:

Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (hiệu lực theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng tối đa 05 năm kể từ ngày cấp).

Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên doanh nghiệp) (áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy xác nhận;
- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN

CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY XÁC NHẬN
THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG

Kính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép cung cấp và quản lý nền tảng số có tính năng cho phép người sử dụng khởi tạo và phân phối trò chơi điện tử số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) ĐỀ NGHỊ

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng của (tên đơn vị có Giấy xác nhận) gồm những nội dung, như sau: (danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có Giấy xác nhận) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp Giấy xác nhận sửa đổi bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên đơn vị cấp Giấy xác nhận) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP/GIẤY XÁC NHẬN CUNG CẤP
DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘIKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thông tin điện tử cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội của *(tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận)* gồm những nội dung, như sau: *(danh sách những nội dung thay đổi)*.....

2. *(Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận)* đề nghị *(Tên cơ quan tiếp nhận thông báo)* cấp giấy xác nhận thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do *(tên đơn vị cấp Giấy phép/Giấy xác nhận)* cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;

-

- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP/GIẤY XÁC NHẬN CUNG CẤP
DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận);

Theo đề nghị của.....

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội của (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) được triển khai cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội (số và ngày cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Giấy xác nhận thông báo này kể từ ngày ký.

3. Các quy định khác của Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số.... ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

4. (Tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
THÔNG BÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
MẠNG XÃ HỘIKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép/Giấy xác nhận): từ ngày ... tháng ... năm... đến hết ngày ... tháng ... năm...

2. (Tên đơn vị có Giấy phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp giấy xác nhận thông báo về việc gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
MẠNG XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Giấy phép/Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có Giấy phép);

Theo đề nghị của

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép), như sau: (ghi rõ gia hạn từ thời điểm nào đến thời điểm nào).....

2. (Tên đơn vị có Giấy phép) được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định của Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có Giấy phép).

3. (Tên đơn vị có Giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp Giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Tên cơ quan cấp Giấy phép/Giấy xác nhận;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
THÔNG BÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

